

Bản án số: 08/2022/DS-PT

Ngày 18 - 4 - 2022

V/v Tranh chấp QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ

Bà Trần Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hương– Thư ký TAND tỉnh Hòa Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:***
Ông Lê Quý Thanh– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS – ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2022/QĐPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ng, sinh năm 1966; ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 4, phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, (ông T vắng mặt, ủy quyền cho bà Ng, có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần. Địa chỉ: Số xxx Lò Đúc, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Kh - Tổng giám đốc.

Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp HB. Địa chỉ: Tổ xx, phường K, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình. Đại diện ông Nguyễn Khương L - Giám đốc. (giấy uỷ quyền số 1420/GUQ-TCT& KSNB ngày 17/12/2020;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Nhân T - Đội trưởng đội Lâm nghiệp K, địa chỉ: Tổ xxx, phường K, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình; (giấy uỷ quyền số 355/GUQ-CT ngày 18/12/2020; “có mặt”).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà Lê Thị Hải Th- Luật sư, Văn phòng luật sư HT – Đoàn Luật sư tỉnh Hoà Bình, (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T, (ông T đã uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà Ng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Năm 1988 gia đình bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T khai hoang được hai thửa đất, gồm thửa số 605, số tờ bản đồ 01, diện tích 38.131,7m² và thửa đất số 606, số tờ bản đồ 01, diện tích 23.638,0m². Vị trí tại khu vực đồi H9, tổ 4, phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình (gọi tắt là thửa 605 và 606).

Quá trình sử dụng đất, năm 1992 gia đình bà Ng có ký tham gia trồng rừng theo dự án “Pam” chu kỳ (1992-1998) Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp HB (gọi tắt là Công ty Lâm nghiệp HB) và được hỗ trợ cây giống; phân bón; gạo; tiền làm lán trại và được cấp “Sổ trại rừng”; có đơn xin đăng ký tạm trú lâu dài, được tổ dân phố phường Chăm Mát; Ủy ban nhân dân phường Chăm Mát; Công ty Lâm nghiệp HB Kỳ Sơn, Công an Kỳ Sơn xác nhận; bà Ng không cung cấp được sổ trại rừng là do ông Nin cán bộ của Công ty Lâm nghiệp HB thu lại để cấp đổi sổ mới, nhưng từ đó đến nay chưa được nhận lại. Hết chu kỳ dự án Pam (1992-1998) gia đình bà Ng tiếp tục trồng rừng theo “Mô hình trình diễn” được Phòng Khuyến nông, Khuyến lâm xác nhận và hỗ trợ cây giống, sản phẩm sau thu hoạch người trồng rừng được hưởng.

Do thiếu vốn trồng rừng, năm 2005 ông Nguyễn Hữu T, chồng bà Ng có ký “Hồ sơ vay vốn trồng rừng nguyên liệu” (chu kỳ 6 năm 2005-2010) với Công ty Lâm nghiệp HB, số tiền vay vốn tương đương 01 ha đất tại thửa đất số 606/(DT 23.638,0m²). Sau khi thanh lý hợp đồng, gia đình bà Ng đã trả đủ số tiền vay gốc và lãi suất theo thỏa thuận và tiếp tục trồng rừng trên hai thửa (605 và 606) từ đó trở đi không ký bất kỳ hợp đồng nào với Công ty Lâm nghiệp HB.

Vào khoảng tháng 8/2018 gia đình bà Ng khai thác rừng trồng của gia đình và tiếp tục trồng lại cây Keo, thì bị Công ty Lâm nghiệp HB đào hào ngăn đường không cho khai thác và cho người đem cây Keo và cây Bạch đàn trồng xen kẽ với cây trồng của gia đình bà Ng vào hai thửa (605 và 606), đồng thời

yêu cầu gia đình bà Ng phải ký hợp đồng nhận khoán trồng rừng với Công ty Lâm nghiệp HB thì mới được tiếp tục khai thác tiếp. Bà Ng thấy yêu cầu của Công ty Lâm nghiệp HB không đúng, vì nguồn gốc đất (thửa 605 và 606) gia đình bà khai hoang từ những năm 1988 được chính quyền địa phương xác nhận, sử dụng liên tục đến nay, không có tranh chấp với ai. Sự việc xảy ra tranh chấp, chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Ngày 22/10/2020 bà Ng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu buộc Công ty Lâm nghiệp HB phải có trách nhiệm nhổ bỏ di dời toàn bộ số cây đã trồng xen kẽ tại thửa đất số 605 và 606 để trả lại đất cho gia đình bà.

Ý kiến của bị đơn:

Yêu cầu khởi kiện của bà Ng, ông T là không đúng nên đã có đơn yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án giải quyết, buộc hộ bà Ng chấm dứt việc chiếm giữ trái phép quyền sở hữu, sử dụng hai thửa đất (605 và 606) nói trên và di dời toàn bộ cây trồng của gia đình bà Ng trên đất để trả lại đất cho Công ty Lâm nghiệp HB vì đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quyết định cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

- Quyết định số: 02/QĐ/UB, ngày 12/12/1986 của Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn (nay là Thành phố Hòa Bình) điều chỉnh rừng và đất rừng cho Công ty Lâm nghiệp HB Kỳ Sơn diện tích 5.542,0 ha.

- Quyết định số: 07/2020/QĐ-UB, ngày 02/02/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc bàn giao rừng và đất cho Công ty Lâm nghiệp HB, tổng diện tích 17.594,4 ha, trong đó có 5.536,8 ha đất có rừng.

- Quyết định số: 2924/QĐ-UBND, ngày 09/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Hoà Bình tại huyện Kỳ Sơn, diện tích 1.663,78 ha.

Ngoài ra, vào năm 2005 ông Nguyễn Hữu T chồng bà Ng có ký “Hồ sơ vay vốn trồng rừng nguyên liệu” (chu kỳ 6 năm 2005-2010) với Công ty Lâm nghiệp HB 01 ha thửa đất số 606/(DT 23.638,0m²). Việc ký hồ sơ vay vốn trồng rừng nguyên liệu của ông T, chứng minh cho việc thừa nhận đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Lâm nghiệp.

Về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Thửa thứ nhất: Số thửa 605, số tờ bản đồ 01, diện tích 38.131,7m². Vị trí tại khu vực đồi H9, tổ 4, phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình (38.131,7m² × 12.000 đồng/m² = 457.580.400 đồng).

Tổng số cây gia đình bà Ng trồng trên thửa 605, gồm: Cây Keo trong kỳ khai thác (đứng còn sống) là: 118 cây. Khối lượng $17,47\text{m}^3$ (bao gồm cả vỏ, cành), tương ứng khối lượng cắt khúc là $13,81\text{ m}^3 \times 1.200.000\text{ đồng/m}^3 = 16.572.000\text{ đồng}$. Cây Keo trong kỳ khai thác (đứng đã chết) là: 22 cây. Khối lượng $1,97\text{m}^3 \times 500.000\text{ đồng/m}^3 = 985.000\text{ đồng}$.

Tổng số cây Công ty Lâm nghiệp HB trồng trên thửa 605 gồm: Cây Keo mới trồng 1 -2 năm tuổi là 5.910 cây, đường kính thân $<3\text{cm} \times 15.000\text{ đồng/cây} = 88.650.000\text{ đồng}$.

Thửa thứ hai: Số thửa 606, số tờ bản đồ 01, diện tích $23.638,0\text{m}^2$. Vị trí tại khu vực H9, tổ 4, phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình ($23.638,0\text{m}^2 \times 12.000\text{ đồng/m}^2 = 283.656.000\text{ đồng}$).

Tổng số cây hộ bà Ng trồng trên thửa 606, gồm: Cây Keo mới trồng 1 -2 năm tuổi là 3.500 cây, đường kính thân $<3\text{cm} \times 15.000\text{ đồng/cây} = 52.500.000\text{ đồng}$. 54 cây Tre, đường kính 10 đến 12cm $\times 23.000\text{ đồng/cây} = 1.242.000\text{ đồng}$.

Tổng số cây Công ty Lâm nghiệp HB trồng trên thửa 606, gồm: Cây Bạch đàn mới trồng 1 -2 năm tuổi là 2.015 cây, đường kính thân $<3\text{cm} \times 15.000\text{ đồng/cây} = 30.225.000\text{ đồng}$.

Về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản nói trên, các đương sự đều đồng ý và không có ý kiến gì, nhất trí lấy kết quả đó làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại bản án số 01/2022/DS – ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 4, 5, 12, 56, 59, 99, 166, 189, 191, 202, 203 của Luật đất đai;
- Căn cứ vào các Điều 163, 164 và 169 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157, 158, 165 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 1 Điều 26; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp” của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Cổ phần Vinafor.

2. Xử buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm trả lại cho Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Cổ phần Vinafor quyền sử dụng hai thửa đất số 605, số tờ bản đồ 01, diện tích 38.131,7m² và thửa đất số 606, số tờ bản đồ 01, diện tích 23.638,0m². Vị trí tại khu vực H9, tổ 4, phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình.

3. Về xử lý tài sản trên đất tranh chấp: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận. Để đảm bảo giá trị tài sản (không chặt phá, di dời cây đang phát triển), chấp nhận hướng giải quyết của các đương sự. Nên giao lại toàn bộ số cây Keo mà bà Ng, ông T đã trồng trên hai thửa đất tranh chấp (605, 606) cho Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Cổ phần Vinafor được toàn quyền sở hữu. Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Cổ phần, có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T toàn bộ giá trị tài sản (cây Keo) tổng số tiền là: 71.299.000 đồng, người đại diện nhận tiền là bà Đỗ Thị Ng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 14/01/2022 bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS – ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình với nội dung: Không đồng ý đất là của Công ty Lâm nghiệp HB. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định, chấp nhận đơn khởi kiện.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố, các đương sự giữ nguyên lời trình bày trước đó, không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kháng cáo trong thời hạn luật định, hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DSST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận, ông T đã uỷ quyền cho bà Ng tham gia phiên toà. Người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 BLTTDS.

- Theo quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ thì Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam có tên đầy đủ là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần; tên viết tắt là Vinafor, án sơ thẩm ghi tên là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần Vinafor là không đúng, do vậy cần sửa lại cho đúng quy định.

[2]. Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

2.1. Căn cứ vào nội dung khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2021 và kết quả đo đạc ngày 18/8/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hoà Bình đã xác định vị trí đất tranh chấp:

1. Diện tích đất là 3,71 ha, khoảnh 5, lô 45 tại đồi Cột Cờ, khu vực H9, xóm Văn Tiến, xã Dân Hạ (nay là tổ 4, phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình). không có tên trên bản đồ lưu trữ. Do vậy cơ quan chuyên môn căn cứ vào Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 về bản đồ địa chính để đặt tên là thửa 605, tờ bản đồ số 1 có diện tích đo là 38.131,7 m² tại khu vực đỉnh đồi Cột cờ, khu vực H9, tổ 4, phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình.

Diện tích đo lớn hơn diện tích trong đơn yêu cầu của nguyên đơn là 1.031m². Thửa đất số 605 nằm trong khu vực thửa số RST 512/2222728,0 của Công ty Lâm nghiệp HB.

2. Diện tích đất là 2,5 ha, khoảnh 8, lô 5 tại đồi Cột Cờ, khu vực H9, xóm Văn Tiến, xã Dân Hạ (nay là tổ 4, phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình). không có tên trên bản đồ lưu trữ. Do vậy cơ quan chuyên môn căn cứ vào Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 về bản đồ địa chính để đặt tên là thửa 606, tờ bản đồ số 1 có diện tích đo là 23,638,0 m² tại khu vực đỉnh đồi Cột cờ, khu vực H9, tổ 4, phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình.

Diện tích đo nhỏ hơn diện tích trong đơn yêu cầu của nguyên đơn là 1.362 m². Thửa đất số 605 nằm trong khu vực thửa số RST 512/2222728.0 Công ty Lâm nghiệp HB.

2.2. Theo nguyên đơn trình bày: Năm 1988 gia đình nhà chồng gồm có bố

chồng là ông Nguyễn Hữu X và 03 người con là ông Nguyễn Hữu T (chồng bà Ng, là công nhân Lâm trường, đội Vắc) ông Nguyễn Minh Ch và Nguyễn Hồng T thuộc hộ giãn dân vào khu vực đồi H9, tổ 4, phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình sinh sống và khai hoang 02 thửa đất 605, 606 trên, sau đó được Công ty Lâm nghiệp HB cấp sổ trại rừng và giao đồi rừng, được nhà nước cho tiền làm nhà ở, có đơn xác nhận đơn xin đăng ký tạm trú lâu dài, được tổ dân phố phường Chăm Mát; Ủy ban nhân dân phường Chăm Mát; Lâm nghiệp Kỳ Sơn, Công an Kỳ Sơn và xác nhận của khuyến nông; khuyến lâm về việc trồng rừng theo mô hình trình diễn. Hiện tại 02 thửa đất trên gia đình bà Ng sử dụng đến khi có tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp HB.

Tài liệu thể hiện: Ngày 01/11/1992 ông X có làm đơn đăng ký tạm trú gửi UBND xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn trong đó có nội dung: *“Tôi và các con tôi có đăng ký làm trại rừng tại đồi Vắc - Lâm trường Kỳ Sơn”*; UBND phường Chăm Mát xác nhận đơn của ông Xem ngày 02/11/1992 với nội dung; Đơn trình bày tạm trú của ông X và 03 con tại xã Dân Hạ để trồng keo theo chương trình PAM; Lâm trường Kỳ Sơn cũng như Ban công an xã Dân Hạ cũng chỉ xác nhận ông T là công nhân Lâm trường và gia đình ông X có nhận trại rừng trong đội Vắc.

Như vậy, toàn bộ các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nêu trên đều không có căn cứ để chứng minh đất do gia đình bà Ng khai hoang mà có tại đồi Vắc - Lâm trường Kỳ Sơn.

2.3. Nguyên đơn khai được Lâm trường Kỳ Sơn cấp “Sổ trại rừng” sau đó bị thu hồi cấp sổ mới nhưng không có tài liệu để chứng minh, mặt khác theo lời trình bày của ông Trần Quang H – Tổ trưởng tổ 4, phường Kỳ Sơn cũng thuộc hộ được cấp sổ trại rừng, ông H cho biết sổ trại rừng chỉ có giá trị trong việc trồng rừng dự án Pam (chu kỳ 1992-1998) không có giá trị cho suốt quá trình sử dụng đất. Việc cấp sổ trại rừng (nếu có) cũng không đồng nghĩa với việc xác lập quyền sử dụng đất cho gia đình bà Ng.

2.4. Tài liệu trong hồ sơ cũng thể hiện ngày 10/4/2005 ông T có đơn xin Lâm nghiệp Kỳ Sơn trồng rừng (01 ha) tại xóm Văn Tiến, xã Dân Hạ (bl 78). Ngày 20/5/2005 hai bên đã ký hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng khoán đất lâm nghiệp và đến ngày 28/8/2005 ông T có ký “Hợp đồng vay vốn trồng rừng nguyên liệu”, kế ước vay tiền ngày 28/8/2005 số tiền được duyệt vay cả chu kỳ (chu kỳ 6 năm 2005-2010) là 4.716.900 đồng (có chữ ký của cả bà Ng).

2.5. Hai thửa đất số (605 và 606) đã được cơ quan có thẩm quyền cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

- Quyết định số: 02/QĐ/UB, ngày 12/12/1986 của Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn (nay là Thành phố Hòa Bình) điều chỉnh rừng và đất rừng cho Lâm nghiệp Kỳ Sơn diện tích 5.542,0 ha. (kèm theo Bản đồ tỷ lệ 1:25.000)

- Quyết định số: 07/2020/QĐ-UB, ngày 02/02/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc bàn giao rừng và đất lâm nghiệp cho Công ty Lâm nghiệp HB, tổng diện tích 17.594,4 ha, trong đó có 5.536,8 ha đất có rừng.

- Quyết định số: 2924/QĐ-UBND, ngày 09/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Công ty Lâm nghiệp Hòa Bình tại Kỳ Sơn, diện tích 1.663,78 ha (nay là Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp HB theo quyết định số 22/QĐ/HĐQT-TCLĐ ngày 27 tháng 9 năm 2016 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần).

2.6. Tại văn bản trả lời số: 1562/STNMT-QLĐĐ ngày 03/6/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình có nội dung:

- Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 09/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Hoà Bình tại huyện Kỳ Sơn, diện tích 1.663,78 ha, hồ sơ bao gồm:

Biên bản thẩm tra hồ sơ ngày 09/10/2013;

Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới ngày 09/10/2013;

Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho của Công ty TNHH Một thành viên Công ty Lâm nghiệp HB ngày 14/10/2013;

Báo cáo rà soát hiện trạng sử dụng đất số 325/BC- CTTNHH ngày 14/10/2013 Công ty TNHH Một thành viên Công ty Lâm nghiệp HB

Tờ trình số 301/TTr-STNMT ngày 29/11/2013 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hoà Bình về việc cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH Một thành viên Công ty Lâm nghiệp Hòa Bình tại huyện Kỳ Sơn.

- Lý do Công ty Lâm nghiệp HB đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 09/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình là do: “chưa bóc tách đường giao thông, đường điện, sông suối, khe rãnh, đất dốc không trồng được rừng”.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ trích đo xác định diện tích và vị trí, ngày 18/8/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa

Bình, cho thấy: Diện tích hai thửa đất (605 và 606) không thuộc các trường hợp nằm vào đường giao thông; đường điện, sông suối, khe rãnh, đất dốc không trồng được rừng. Do vậy, việc chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Lâm nghiệp HB không làm thay đổi diện tích đã được cấp theo Quyết định số: 2924/QĐ-UBND, ngày 09/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty nông nghiệp, lâm nghiệp như sau: “Trường hợp lấn, chiếm đất kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp và hiện nay diện tích đất này vẫn được xác định giao cho nông trường, lâm trường quản lý, sử dụng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi đất lấn, chiếm để trả lại cho nông trường, lâm trường”.

2.7. Từ những đánh giá và phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất là không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ng và ông T, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Cổ phần là có căn cứ.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới được pháp luật chấp nhận nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

[4]. **Về án phí:** Do kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS– ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

- Căn cứ vào Điều 4, 5, 12, 56, 59, 99, 166, 189, 191, 202, 203 của Luật đất đai;

- Căn cứ vào các Điều 163, 164 và 169 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157, 158, 165 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 26; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp” của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

2. Xử buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm trả lại cho Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần quyền sử dụng hai thửa đất số 605, số tờ bản đồ 01, diện tích 38.131,7m² và thửa đất số 606, số tờ bản đồ 01, diện tích 23.638,0m². Vị trí tại khu vực H9, tổ 4, phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình.

3. Về xử lý tài sản trên đất tranh chấp: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận. Để đảm bảo giá trị tài sản (không chặt phá, di dời cây đang phát triển), chấp nhận hướng giải quyết của các đương sự. Nên giao lại toàn bộ số cây Keo mà bà Ng, ông T đã trồng trên hai thửa đất tranh chấp (605, 606) cho Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần được toàn quyền sở hữu. Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần, có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T toàn bộ giá trị tài sản (cây Keo) tổng số tiền là: 71.299.000đ (Bảy mươi một triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng), người đại diện nhận tiền là bà Đỗ Thị Ng.

4. Về án phí: Nguyên đơn là bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Ng đã nộp, theo biên lai thu số: 0004094 ngày 24/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình. Trừ số tiền phải chịu bà Đỗ Thị Ng còn được hoàn trả lại số tiền 4.350.000đ (Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn).

Bị đơn Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần có yêu cầu phản tố, được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng phải chịu phần án phí về tài sản được Hội đồng xét xử chấp nhận giao quyền sở hữu tài sản là: 3.564.950đ (Ba triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi đồng). Số tiền phải nộp trên được trừ vào số tiền tạm ứng yêu cầu phản tố 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu

số: 0004178 ngày 11/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình. Trừ số tiền phải chịu Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần được hoàn lại số tiền 1.085.050đ (Một triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm năm mươi đồng)

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đỗ Thị Ng và ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001255 ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (18/4/2022)./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TANDTP Hoà Bình;
- VKSNDTP Hoà Bình
- Chi cục THADSTP Hoà Bình
- Các đương sự; (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA; HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn

